

Số: 73/2023/QĐST-HNGĐ

Tháp Mười, ngày 18 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư bà **Ngô Thị T**, Trung tâm Tư vấn pháp luật trực thuộc Hội Luật gia huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư ông **Nguyễn Tấn Tới**, Chi nhánh Công ty luật TNHH Luật H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn C và bà Hồ Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Hồ Thị N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con:

+ Đối với con chung tên Trần Nhựt L, sinh năm 1993, Trần Thị Trúc L, sinh năm 1996, Trần Thị Yến L, sinh năm 2001 đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết

+ Bà Nguyệt được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Hồ Mỹ L, sinh ngày 14/4/2009. Đồng thời, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng chi phí là 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng). Hai bên thống nhất mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên, tức là mỗi người chịu 4.750.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đồng thời, sau khi khấu trừ số tiền của mình đã nộp (Ông C nộp 500.000 đồng, bà N nộp 9.000.000 đồng) thì ông C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà N số tiền là 4.250.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra, đối với bà N đã nộp xong.

- Về án phí:

+ Ông C tự nguyện nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011342, ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ông C được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 7.725.000 đồng (Bảy triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Bà N tự nguyện nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007636, ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 10.642.000 đồng (Mười triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Thanh Mỹ (Giấy CNKH số 169 ngày 26/9/2002);
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, (Linh).

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Phường